TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HS-ST
Ngày: 21 – 9 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Văn Chuộng
Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T - sinh năm 1965; tên gọi khác: Không có; nơi sinh: Tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp 1A, xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn T (đã chết) và mẹ bà Huỳnh Thị N (còn sống); Bị cáo: Có chồng là ông Phạm Văn M và có 02 người con; Tiền án; Tiền sự: Không có. Ngày 07/4/2021, Nguyễn Thị T bị bắt tạm giam, đến ngày 16/6/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Bị cáo đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H
Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị D – sinh năm 1971
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Mn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp B1, xã P, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Nguyễn Thị Hồng Đ; địa chỉ: Ấp A, thị trấn Mn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

Phạm Hoàng C; địa chỉ: Ấp 1A, xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 22/01/2021, Công an thị trấn Mn tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của bà Phan Thị D. Cụ thể nội dung sự việc: Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 22/01/2021, Nguyễn Thị T kêu Phạm Hoàng C chở Tua đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H để cầm vàng. Sau khi bà Phan Thị D làm biên nhận cầm của Nguyễn Thị T 01 chỉ vàng 18k với số tiền 3.500.000 đồng thì T có ý định chiếm đoạt nhẫn vàng nên T nói muốn mua nhẫn. Chị D lần lượt lấy nhiều mẫu cho T thử nhưng T vẫn không đồng ý. Khi thử chiếc nhẫn vàng 23K, có gắn hột màu vàng, trọng lượng 02 chỉ, T quan sát thấy chị D và người bán hàng không để chú ý nên T lén lút lấy tờ biên nhận cầm vàng và quấn chiếc nhẫn nói trên vào bên trong tờ biên nhận để tránh sự phát hiện của chị D và những người phụ bán. Sau đó, T giả vờ thử thêm một chiếc nhẫn nữa nhưng không đồng ý mua và trả lại chiếc nhẫn vừa thử cho chủ tiệm. Sau đó, T ra xe để C chở về nhà. Khi T vừa ra về thì chị Nguyễn Thị Hồng Đ là người phụ bán phát hiện sự việc nên hỏi chị D có lấy lại chiếc nhẫn vàng 23K, gắn hột màu vàng, trọng lượng 02 chỉ đưa cho T thử không, chị D nói không lấy lại và kiểm tra camera ghi hình ở tiệm vàng và trình báo với lực lượng Công an thị trấn Mn.

Đối với Nguyễn Thị T sau khi chiếm đoạt chiếc nhẫn đã đem về nhà tại ấp 1A, xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang để cất giấu. Đến ngày 05/3/2021, do Nguyễn Thị T thiếu nợ em là bà Nguyễn Thị L nên Tua đưa chiếc nhẫn đã lấy cắp cho L đi cầm. Đến ngày 08/4/2021, chị L đã tự nguyện chuộc lại nhẫn và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Vật chứng của vụ án gồm:

01 USB (thẻ nhớ) màu xanh trắng nhãn hiệu SanDisk, 32GB bên trong có chứa clip cắt từ camera từ 10 giờ 30 đến 10 giờ 45 phút ngày 22/01/2021.

01 USB (thẻ nhớ) màu xanh trắng nhãn hiệu SanDisk, 32GB bên trong có chứa clip cắt từ camera tiệm vàng H, loại File video độ dài từ 00 đến 15 phút ngày 22/01/2021.

01 biên nhận cầm đồ số 49627 ngày 22/01/2021 của tiệm vàng H (Lưu trong hồ sơ vụ án)

01 nón lá đường kính 40 cm, cao 25cm, quay nón bằng vải đã qua sử dụng.

01 cáo áo khoát dài tay, được làm bằng vải thun, màu vàng đã qua sử dụng, 01 chiếc quần, được làm bằng vải thun vàng đen đã qua sử dụng, 01 chiếc áo thun màu vàng đen đã qua sử dụng.

01 nhẫn kim loại vàng 23K, có gắn hột màu vàng, trọng lượng 02 chỉ.

Ngày 07/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành A đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị D 01 nhẫn kim loại vàng 23K, có gắn hột màu vàng, trọng lượng 02 chỉ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-ĐGTS ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đã kết luận: 01 nhẫn kim loại vàng 23K, có gắn hột màu vàng, trọng lượng 02 chỉ có giá 10.910.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường và có đơn miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị T.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKS-HCTA ngày 16/6/2021của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng thu giữ như cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 65, điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo: 01(một) nón lá đường kính 40 cm, cao 25cm, quay nón bằng vải đã qua sử dụng; 01(một) cái áo khoát dài tay, được làm bằng vải thun, màu vàng đã qua sử dụng; 01(một) chiếc quần, được làm bằng vải thun vàng đen đã qua sử dụng; 01(một) chiếc áo thun màu vàng đen đã qua sử dụng; 01(một) biên nhận cầm đồ số 49627 ngày 22/01/2021 của tiệm vàng Huê Xương ghi tên Mến (Bảy Mới).

Đối với 01 USB (thẻ nhớ) màu xanh trắng nhãn hiệu SanDisk, 32GB bên trong có chứa clip cắt từ camera từ 10 giờ 30 đến 10 giờ 45 phút ngày 22/01/2021. 01 USB (thẻ nhớ) màu xanh trắng nhãn hiệu SanDisk, 32GB bên trong có chứa clip cắt từ camera tiệm vàng H, loại File video độ dài từ 00 đến 15 phút ngày 22/01/2021 là chứng cứ vụ án, đề nghị tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí hình sự: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H có người đại diện theo pháp luật bà Phan Thị D vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lđã nhận lại tiền chuộc nhẫn vàng và không có yêu cầu gì khác nên xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A; Điều tra viên;

kiểm sát viên đã thực hiện theo quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[1.2] Đối với bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H có người đại diện theo pháp luật là chị Phan Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, người làm chứng Nguyễn Thị Hồng Đ, Phạm Hoàng C vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy lời khai của người này đã thể hiện rõ trong hồ sơ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi phạm tội. Đối chiếu lời thừa nhận của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án là phù hợp, chứng minh được như sau: Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 22/01/2021, bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi lén lút lấy 01 nhẫn vàng 23K, có gắn hột màu vàng, trọng lượng 02 chỉ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, theo kết quả định giá nhẫn vàng trên nêu có giá trị 10.910.000 đồng nên Viện kiểm sát huyện Châu Thành A truy tố bị cáo Nguyễn Thị T tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo phạm tội pham lần đầu thuộc trường hợp ít nghiệm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có trình độ học vấn thấp (không biết chữ) nên am hiểu pháp luật hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm đối với bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giáo dục tại địa phương cũng đủ sức răn đe và đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Đối với Phạm Hoàng C, khi chở bị cáo T đi chợ nhưng không biết việc bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nên không đề cặp xử lý.

[6] Đối với Nguyễn Thị L, khi bị cáo T đưa nhẫn vàng cho L đi cầm, L không biết nhẫn vàng là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý L là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các vật chứng: 01(một) cái áo khoát dài tay, được làm bằng vải thun, màu vàng; 01(một) chiếc quần, được làm bằng vải thun, màu vàng đen; 01(một) chiếc áo thun, màu vàng đen (tất cả đã qua sử dụng). Tại phiên tòa, bị cáo T có yêu cầu nhận lại. Xét thấy, yêu cầu nhận lại các vật chứng nêu trên không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên chấp nhận.

Đối với 01 (một) biên nhận cầm đồ số 49627 ngày 22/01/2021 của tiệm vàng H ghi tên Mến (Bảy Mới) là của bị cáo T đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Xét, đây là biên nhận không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) USB (thẻ nhớ) màu xanh trắng nhãn hiệu SanDisk, 32GB bên trong có chứa clip cắt từ camera từ 10 giờ 30 đến 10 giờ 45 phút ngày 22/01/2021; 01 (một) USB (thẻ nhớ) màu xanh trắng nhãn hiệu SanDisk, 32GB bên trong có chứa clip cắt từ camera tiệm vàng H, loại File video độ dài từ 00 đến 15 phút ngày 22/01/2021 là chứng cứ vụ án nên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[9] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 292, Điều 293, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/9/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được thử thách án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) cái áo khoát dài tay, được làm bằng vải thun, màu vàng; 01 (một) chiếc quần, được làm bằng vải thun màu vàng đen; 01 (một)

chiếc áo thun màu vàng đen (tất cả đã qua sử dụng); 01 (một) biên nhận cầm đồ số 49627 ngày 22/01/2021 của tiệm vàng H ghi tên Mến (Bảy Mới).

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (một) USB (thẻ nhớ) màu xanh trắng nhãn hiệu SanDisk, 32GB bên trong có chứa clip cắt từ camera từ 10 giờ 30 đến 10 giờ 45 phút ngày 22/01/2021 và 01 USB (thẻ nhớ) màu xanh trắng nhãn hiệu SanDisk, 32GB bên trong có chứa clip cắt từ camera tiệm vàng H, loại File video độ dài từ 00 đến 15 phút ngày 22/01/2021.

3. Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

4.Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu là 200.000đồng.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Á

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Công an huyện Châu Thành A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.